TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4-T**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày 30-7-2025

"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vương Thị Liên.

Bà Lục Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - T tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nông Thị D, sinh năm 1990. Địa chỉ: Đội 3, thôn Châng, xã Đồng T, huyện B, tỉnh H (nay là Đội 3, thôn Châng, xã Đồng T, tỉnh T). Vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Mã Văn L, sinh năm 1987. Địa chỉ: Đội 2, thôn Cuôm, xã Trung T, huyện V, tỉnh H (nay là Đội 2, thôn Cuôm, xã Linh H, tỉnh T). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 18/3/2025 của nguyên đơn và cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ chị Nông Thị D trình bày:

Chị D và anh Mã Văn L trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu nhau và tự nguyện về chung sống từ năm 2016, đến ngày 27/12/2018 anh chị mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Trung Th, huyện V, tỉnh H (nay là Ủy ban nhân dân xã Linh H, tỉnh T). Sau khi kết hôn anh chị chung sống không được hạnh phúc. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do là bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong việc làm ăn kinh tế, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, không chia sẻ cuộc sống trong gia đình, vợ chồng chị thường

xuyên cãi chửi nhau. Bên cạnh đó anh L thường xuyên đi chơi cờ bạc, gái gú đến sáng mới về, không quan tâm, chăm sóc đến gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng chị chưa được cấp có chính quyền nào tiến hành hòa giải, mặc dù đã được hai bên gia đình nội, ngoại khuyên bảo để vợ chồng chị đoàn tụ cùng nhau làm ăn và nuôi dạy con cái nhưng cũng không có kết quả, tình cảm vợ chồng chị không cải thiện được, anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 3/2020 cho đến nay và không còn quan tâm đến nahu nữa. Xét thấy tình cảm của vợ, chồng không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể khắc phục nữa nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mã Văn L để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Mã Gia H, sinh ngày 23/02/2020. Hiện nay cháu H đang ở với chị D tại Đội 3, thôn Châng, xã Đồng T, tỉnh T. Khi ly hôn chị D có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H và yêu cầu anh Mã Văn L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu H với số tiền là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ghi ngày 21/6/2025 và tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 27/6/2025 bị đơn anh Mã Văn L trình bày: Anh và chị D kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, có đăng ký kết hôn vào ngày 27/12/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Trung Thành, huyện V, tỉnh H (nay là Ủy ban nhân dân xã Linh H, tỉnh T). Sau khi kết hôn vợ, chồng anh chung sống không được hạnh phúc, nguyên nhân là do vợ chồng anh bất đồng quan điểm sống, trong cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung, không quan tâm chăm sóc nhau, mâu thuẫn của vợ chồng chưa nhờ chính quyền địa phương giải quyết mà chỉ được hai bên gia đình khuyên giải nhưng mâu thuẫn không khắc phục được, vợ chồng anh đã sống ly thân nhau từ tháng 3/2020 cho đến nay, nay chị D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn, anh L nhất trí ly hôn với chị D để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Mã Gia H, sinh ngày 23/02/2020. Hiện nay cháu H đang ở với chị D tại Đội 3, thôn Châng, xã Đồng T, tỉnh T. Khi ly hôn anh L có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 28/7/2025 chị Nông Thị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Về quan hệ hôn nhân chị D đề nghị được ly hôn anh Mã Văn L; về con chung chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu Mã Gia H, sinh ngày 23/02/2020 và yêu cầu anh Mã Văn L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu H với

số tiền là 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi; về tài sản, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, về quan hệ hôn nhân anh Mã Văn L nhất trí ly hôn với chị Nông Thị D; về con chung anh L có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - T tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có vi phạm. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. khoản 2 Điều 7 Nghị Quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND Tối cao

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" của chị Nông Thị D đối với anh Mã Văn L.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nông Thị D và anh Mã Văn L ly hôn.

3. Về con chung: Giao cháu Mã Gia H, sinh 23/2/2020 cho chị Nông Thị D trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Mã Văn L cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đồng/1 tháng cho cháu Mã Gia H. Anh L có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án xem xét.

5. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Chị D chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí nộp ngày 18/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4, t). Chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm. Anh L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Mã Văn L cư trú tại thôn Cuôm, xã Trung Thành, huyện V, tỉnh H, do đó Tòa án nhân dân khu vực 4 - T thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Nông Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Mã Văn L có mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị D và anh Mã Văn L tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn ngày 27/12/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Trung Thành, huyện V, tỉnh H (nay là Ủy ban nhân dân xã Linh H, tỉnh T) nên HĐXX xác định quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh L là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống không được hạnh phúc, từ tháng 3/2020 chị D và anh L đã sống ly thân cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do trong cuộc sống gia đình anh chị không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm trong làm ăn, phát triển kinh tế dẫn đến cuộc sống chung không hòa thuận, anh L có quan hệ ngoại tình với người khác. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình nội ngoại và anh em bạn bè khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vẫn không cải thiện được nên chị D có đơn xin ly hôn với anh L. Tại phiên tòa anh Mã Văn L xác nhận anh chị đã sống ly thân với chị D từ tháng 3/2020 cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa, nguyên nhân mẫu thuẫn gia đình như chị D trình bày là đúng, anh nhất trí ly hôn với chị D. Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh L đã trở nên trầm trọng, quan hệ hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị D, cho chị D được ly hôn với anh L.

[3] Về con chung: Có một con chung là cháu Mã Gia H, sinh ngày 23/02/2020. Tại đơn khởi kiện và đơn xin xét xử vắng mặt chị D giữ nguyên yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H, yêu cầu anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, anh Mã Văn L nhất trí giao cháu H cho chị D nuôi dưỡng với điều kiện nếu chị D chăm sóc con không tốt, bỏ bê cháu H thì anh sẽ khởi kiện để giành lại quyền nuôi con. HĐXX xét thấy: Cháu H là nữ giới, đang trong độ tuổi bắt đầu đi học, việc giao cháu H cho mẹ cháu là chị Nông Thị D nuôi dưỡng sẽ tạo điều kiện cho cháu được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục tốt hơn, thuận lợi hơn và đảm bảo cho cháu được phát triển một cách bình thường. Anh Mã Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của bị đơn và có quyền khởi kiện về thay đổi người trực tiếp nuôi con, quyền thăm nom con và các quyền khác theo quy định của pháp luật, do đó yêu cầu khởi kiện của chị D chấp nhận.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị Nông Thị D và anh Mã Văn L không yêu cầu, do đó Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nông Thị D là nguyên đơn, anh Mã Văn L là bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa nguyên đơn chị Nông Thị D và bị đơn anh Mã Văn L.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị D được ly hôn với anh Mã Văn L.

3. Về con chung: Giao cháu Mã Gia H, sinh ngày 23/02/2020 cho chị Nông Thị D trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Mã Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.000.000đ *(Một triệu đồng)*/tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 01/8/2025. Chị Nông Thị D là người trực tiếp nhận tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

"Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác"

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, anh L và chị D có quyền thay đổi về cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nông Thị D phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí sơ thẩm chị D đã nộp

theo biên lai thu số 0001439 ngày 18 tháng 6 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh H(nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - T). Anh Mã Văn L phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Quyền kháng cáo: Anh Mã Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/7/2025). Chị Nông Thị D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND KV4;
- TAND tỉnh;
- UBND xã Linh H;
- THADS tỉnh;
- Lưu hồ sơ, lưu vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Phúc